

Bản án số: 18/2022/DS-ST
Ngày 14/6/2022
V/v: T/c về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thùy Phương; Bà Nguyễn Thị Phú.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hạp Thị Lan Phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Phụng- Kiểm sát viên.

Ngày 14/6/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 86/2022/TLST- DS ngày 04/4/2022 về “ Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 24/2022/QĐXXST-DS ngày 10/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST- DS ngày 27/5/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Ủy quyền cho chị: Nguyễn Thị T, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: thôn La Miệt, xã Yên Giả, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1965. Có mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn H5, sinh năm 1968. Đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn Hợi, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Cùng HKTT: thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

3. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1963. Đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Tân Thịnh, xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

4. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1976. Đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: khu Đa Cầu, phường Nam Sơn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

5. Ông Nguyễn Thế P, sinh năm 1962.

Địa chỉ: thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị T trình bày tại phiên tòa:

Bố ông H là cụ Nguyễn Văn H4, sinh năm 1934; mẹ ông H là cụ Nguyễn Thị N, sinh năm 1935 cùng ở thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Cụ H4 và cụ N sinh được 6 (sáu) người con là:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; HKTT, chỗ ở: thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1963; HKTT, chỗ ở: thôn Tân Thịnh, xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

3. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1965; HKTT, chỗ ở: thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

4. Ông Nguyễn Văn H5, sinh năm 1968; HKTT, chỗ ở: thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

5. Ông Nguyễn Văn Hợi, sinh năm 1971.

HKTT: thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

6. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1976; HKTT, chỗ ở: Khu Đa Cẩu, phường Nam Sơn, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Cụ H4 chết ngày 07/5/1998. Ngày 24/11/2000 cụ N được UBND huyện Quế Võ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất ở số 01, số tờ bản đồ “ Trong làng”, diện tích 261,2m² (tự khai), địa chỉ thửa đất: thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Theo tờ bản đồ số 15 H1 nay là thửa số 93, diện tích 246 m². Theo H1 trạng sử dụng thửa đất là 246 m² + 15,6 m² chõm sang hồ sơ thửa đất hộ ông Nguyễn Thế P (Có sơ đồ kèm theo), tổng cộng là 261,6 m². Nguồn gốc thửa đất này là của các cụ thân sinh ra cụ N để lại. Thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên thì cụ N đang ở cùng với vợ chồng con cái ông H5 trên thửa đất này. Trong sổ hộ khẩu hộ cụ N lúc đó có 5 người là cụ N, ông H5, vợ ông H5 là bà Hân, hai con ông H5 là anh Chanh và anh Chiến. Sau đó nhà ông H5 có đất mới thì vợ chồng con cái ông H5 ra ở trên đất mới, còn cụ N vẫn ở trên thửa đất của cụ, thỉnh thoảng cụ lại đi ở nhà các con mỗi nhà một thời gian. Đến khi cụ ốm yếu thì cụ đến ở nhà ông H1 là con trai thứ hai của cụ và sau đó cụ mất ở nhà ông H1.

Cụ N chết ngày 23/4/2003 có để lại di chúc viết tay nhưng không hợp pháp, nguyện vọng của cụ N là để thửa đất này cho ông H là con cả được toàn quyền sử dụng. Nay ông Nguyễn Văn H1 đang quản lý sử dụng thửa đất trên, anh em ông H không tự giải quyết chia thừa kế thửa đất này được, nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quế Võ giải quyết chia thừa kế thửa đất trên của cụ N cho ông H được toàn quyền sử dụng. Cụ thể là thửa đất số 93, tờ bản đồ số 15, diện tích 246 m², còn diện tích 15,6 m² chõm sang hồ sơ thửa đất hộ ông P, vì hai bên không có tranh chấp và nhà ông P đã xây tường nhà và tường rào làm ranh giới giữa hai thửa đất, nên đề nghị tạm giao cho ông H quản lý sử dụng. Trên thửa đất H1 không có tài sản gì đáng kể nên không yêu cầu giải quyết. Thửa đất này từ trước đến nay cũng không có tranh chấp gì với ai.

Đối với ông Hợi là em trai của ông H đi bộ đội vào Nam từ năm 1992, từ khi đi ông Hợi không có tin tức gì về cho gia đình. Sau này gia đình mới được Công an xã thông báo cho biết là ông Hợi H1 đang bị Công an tỉnh Đồng Nai truy nã từ năm 1994 về hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng. H1 gia đình không ai biết tin tức địa chỉ gì của ông Hợi. Khi chia thừa kế di sản của cụ N để lại, kỷ phần ông Hợi được hưởng đề nghị Tòa án giao cho ông H quản lý, khi nào ông Hợi về thì ông H sẽ có trách nhiệm trả lại cho ông Hợi. Về án phí vì ông H là người cao tuổi, nên đề nghị Tòa án miễn án phí cho ông H. Còn án phí của bà H2, ông H1, ông H5, ông Hợi, bà H3 thì ông H xin chịu thay theo quy định của pháp luật. Về lệ phí thẩm định, định giá tài sản ông H xin chịu cả.

Ngoài ra không trình bày và yêu cầu gì khác.

Theo bị đơn là ông H1 trình bày tại phiên tòa:

Ông hoàn toàn nhất trí với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông H, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quế Võ giải quyết chia thừa kế thừa đất của mẹ ông là cụ N cho ông H được toàn quyền sử dụng. Đối với kỷ phần của ông Hợi là em trai ông được hưởng, vì ông Hợi H1 không rõ địa chỉ ở đâu, nên ông nhất trí đề nghị Tòa án giao cho ông H quản lý, khi nào ông Hợi về thì ông H có trách nhiệm trả lại cho ông Hợi. Về án phí và chi phí thẩm định, định giá ông nhất trí để ông H chịu cả. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì khác.

Theo những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Văn H5, bà Nguyễn Thị H3 trình bày tại biên bản ghi lời khai:

Hoàn toàn nhất trí với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông H, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quế Võ giải quyết chia thừa kế thừa đất của cụ N cho ông H được toàn quyền sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt. Ngoài ra không trình bày và yêu cầu gì khác.

Theo những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hân(vợ ông H5), anh Nguyễn Văn Chanh và anh Nguyễn Văn Chiến (Con ông H5) trình bày tại biên bản ghi lời khai:

Ngày 24/11/2000 mẹ chồng tôi (Hân) là cụ Nguyễn Thị N được UBND huyện Quế Võ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thừa đất ở số 01, số tờ bản đồ “ Trong làng”, diện tích 261,2m², địa chỉ thừa đất: thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Nguồn gốc thừa đất này là của các cụ thân sinh ra cụ N để lại. Thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thừa đất trên thì cụ N đang ở cùng với gia đình tôi trên thừa đất này. Trong sổ hộ khẩu hộ cụ N lúc đó có 5 người là cụ N, tôi (Hân), chồng tôi là ông H5, hai con tôi là anh Chanh và anh Chiến. Sau đó nhà tôi có đất mới thì vợ chồng con cái tôi ra ở trên đất mới, còn cụ N vẫn ở trên thừa đất của cụ. Chúng tôi xác định thừa đất này là của riêng cụ N, nên chúng tôi không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gì đối với thừa đất trên của cụ N. Việc chia thừa kế thừa đất trên của cụ N để lại do anh em ruột của chồng tôi toàn quyền quyết định, chúng tôi không có liên quan gì, đề nghị không đưa chúng tôi vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế P trình bày tại biên bản ghi lời khai:

Thửa đất của gia đình ông là thửa đất ở số 92, diện tích 783 m² liền kề với thửa đất ở số 93 của cụ N tại thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo. H1 cụ N đã chết. Gia đình ông và gia đình cụ N có họ với nhau, ông phải gọi cụ N là cô ruột. Từ trước đến nay gia đình ông và gia đình cụ N không tranh chấp đất đai với nhau. Ngày 27/4/2022 khi Tòa án nhân dân huyện Quế Võ kết hợp với chính quyền địa phương thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc H1 trạng thửa đất của cụ N, ông và gia đình cụ N (các con cháu của cụ N) đã thống nhất ranh giới, mốc giới giữa hai thửa đất theo H1 trạng là đúng. Quá trình giải quyết vụ án ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì khác.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành thẩm định và định giá tài sản có tranh chấp. Về H1 trạng thửa đất có sự thay đổi về diện tích và ranh giới. Về diện tích thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 261,2m² , đây là diện tích tự khai. Theo tờ bản đồ số 15 H1 nay là thửa số 93, diện tích 246 m² , theo H1 trạng sử dụng thửa đất thì ngoài diện tích theo bản đồ là 246 m² , còn 15,6 m² đất chõm sang hồ sơ thửa đất hộ ông Nguyễn Thế P (Có sơ đồ kèm theo), tổng cộng là 261,6 m² . Quá trình đo đạc H1 trạng thửa đất, các đương sự và các hộ liền kề là hộ ông Nguyễn Thế P và ông Nguyễn Thế Toàn đều tham gia và thống nhất ranh giới mốc giới, chỉ cho Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc lập sơ đồ. Các hộ liền kề đều là họ hàng nội tộc với nhau, đều xác định là từ trước đến nay không có tranh chấp đất với nhau. Ranh giới thửa đất đều đã được hộ ông P và ông Toàn xây tường nhà và tường rào ngăn cách. Các con cụ N đều xác định diện tích đất của cụ N để lại H1 nay theo bản đồ số 15 là thửa số 93, diện tích 246 m² và đề nghị chia diện tích đất này cho ông H toàn quyền sử dụng. Còn kỹ phần ông Hợi được hưởng thì ông H phải trích chia bằng tiền cho ông Hợi, giao cho ông H quản lý kỹ phần của ông Hợi. Đối với phần đất 15,6 m² chõm sang hồ sơ thửa đất hộ ông P, ông P không tranh chấp gì, nên tạm giao cho ông H quản lý sử dụng. Về giá đất tranh chấp: Hội đồng định giá xác định giá đất là 8.000.000đ/m² x 246 m² = 1.968.000.000đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, những người tiến hành tố tụng, của các đương sự là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, chia di sản của cụ N để lại cho ông H toàn quyền sử dụng. Cụ thể là thửa đất ở số 01, số tờ bản đồ “ Trong làng”, diện tích 261,2m² , địa chỉ thửa đất: thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã được UBND huyện Quế Võ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/11/2000. Theo tờ bản đồ số 15 H1 nay là thửa đất số 93, diện tích 246 m² . Ông H phải trích chia kỹ phần thừa kế cho ông Hợi bằng tiền trị giá 1/6 giá trị thửa đất là 328.000.000đ. Đối với phần diện tích 15,6 m² chõm sang hồ sơ thửa đất hộ ông Nguyễn Thế P, theo H1 trạng thửa đất các đương sự và các hộ liền kề thống nhất không có tranh chấp, nên tạm giao phần đất này cho ông H quản lý sử dụng. Miễn án

phí cho ông H vì ông H là người cao tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của ông H phải chịu án phí thay cho những người trong hàng thừa kế còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xác định quan hệ pháp luật là: “ Tranh chấp về thừa kế tài sản” được quy định tại Khoản 5, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tài sản tranh chấp là bất động sản, cụ thể theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất ở số 01, số tờ bản đồ “ Trong làng”, diện tích 261,2m² , địa chỉ thửa đất: thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã được UBND huyện Quế Võ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/11/2000. Bị đơn là ông H1 cư trú tại thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ theo qui định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo đơn khởi kiện của ông H, căn cứ khoản 3, 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xác định ông H1 là bị đơn, xác định ông H5, ông Họi, bà H2, bà H3, ông P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung:

Về thời điểm mở thừa kế, thời hiệu khởi kiện về thừa kế: Cụ Nguyễn Thị N chết ngày 23/4/2003, nên xác định thời điểm mở thừa kế của cụ N là ngày 23/4/2003. Về thời hiệu thừa kế, theo quy định tại Điều 623- Bộ luật tố tụng dân sự, thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Nên việc ông H khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ N là quyền sử dụng đất vẫn còn thời hiệu khởi kiện, việc Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của ông H là đúng quy định của pháp luật. Theo các đương sự thì cụ N chết có để lại di chúc viết tay, nhưng không có người làm chứng, không có xác nhận. Mặt khác nội dung của di chúc không đảm bảo theo Điều 631, 633 của Bộ luật dân sự, chưa xác định được chữ viết ở di chúc có phải của cụ N không, nên xác định di chúc đó không có hiệu lực theo quy định của pháp luật. Các đương sự đều xác định di chúc đó là không hợp pháp, nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 650 của Bộ luật dân sự.

Về hàng thừa kế theo quy định của pháp luật: Vợ chồng cụ H4 và cụ N sinh được 6 (sáu) người con là:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; HKTT, chỗ ở: thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
2. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1963; HKTT, chỗ ở: thôn Tân Thịnh, xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
3. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1965; HKTT, chỗ ở: thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
4. Ông Nguyễn Văn H5, sinh năm 1968; HKTT, chỗ ở: thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
5. Ông Nguyễn Văn Họi, sinh năm 1971.

HKTT: thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

6. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1976; HKTT, chỗ ở: Khu Đa Cầu, phường Nam Sơn, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Cụ H4 chết ngày 07/5/1998, trước khi cụ N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/11/2000. Nên xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ N theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 676 Bộ luật dân sự gồm 06 người con của cụ N ở trên.

Về xác định di sản thừa kế của cụ N để lại:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Quế Võ cấp cho cụ N ngày 24/11/2000 là thửa đất ở số 01, số tờ bản đồ “ Trong làng”, diện tích 261,2m², địa chỉ thửa đất: thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đây là diện tích tự khai. Còn theo tờ bản đồ số 15 H1 nay có giá trị pháp lý đã được phê duyệt là thửa đất số 93, diện tích 246 m², các đương sự cũng nhất trí diện tích này. Nên xác định di sản của cụ N để lại là thửa đất ở số 93, diện tích 246 m². Còn theo H1 trạng thửa đất các đương sự và các hộ liên kề thống nhất thì diện tích thửa đất còn 15,6 m² phần chõm sang hồ sơ thửa đất hộ ông Nguyễn Thế P (Có sơ đồ kèm theo). Diện tích này không có tranh chấp, nhà ông P cũng đã xây tường nhà và tường rào làm ranh giới giữa hai thửa đất, nên tạm giao cho ông H quản lý sử dụng phần đất này.

Việc xác định hộ cụ N tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên, các đương sự đều thống nhất là có 5 người là cụ N, ông H5 con cụ N, bà Hãn vợ ông H5 con dâu cụ N, hai con của ông H5 bà Hãn là anh Chanh và anh Chiến. Nhưng vợ chồng ông H5 và hai con của ông H5 đều xác định thửa đất này là của riêng cụ N, nguồn gốc do các cụ nhà cụ N để lại cho. Phù hợp với lời khai của những người con khác của cụ N.

Xác định giá trị di sản của cụ N để lại là diện tích đất ở 246 m² x 8.000.000đ/m² = 1.968.000.000đ.

Về phân chia di sản: Các đương sự đều nhất trí chia di sản của cụ N cho ông H được toàn quyền sử dụng, ông H phải trích chia bằng tiền trị giá 1/6 giá trị di sản cho ông Hợi, cụ thể là 1.968.000.000đ/6 = 328.000.000đ.

Theo Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán H3 dẫn áp dụng Khoản 1, Khoản 3, Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể là: “ Điều 6. Xử lý việc ghi địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Khoản 3. Tòa án vẫn tiếp tục giải quyết vụ án trong các trường hợp sau đây: a) Đối với vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế mà nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ và Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập, xác minh địa chỉ theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn không xác định được địa chỉ của người đó, thì Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Phần tài sản mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế chưa tìm được địa chỉ được nhận thì Tòa án tạm giao cho người thân thích của người đó hoặc người thừa kế khác quản lý”.

Do vậy việc các đương sự đề nghị giao cho ông H quản lý số tiền này của ông Hợi là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

Về án phí và chi phí thẩm định, định giá tài sản tranh chấp: Ông H sinh năm 1960 là người cao tuổi áp dụng Điều 2 – Luật người cao tuổi. Ông H có đơn đề nghị được miễn án phí. □p đồng Điểm đ, Khoản 1- Điều 12 ; Điều 14 – Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí cho ông H đối với phần án phí mà ông H phải chịu. Ông H tự nguyện xin chịu án phí thay cho các thừa kế khác, nên cần chấp nhận ông H phải chịu án phí đối với kỷ phần mà các đồng thừa kế được hưởng, được nhận theo quy định của pháp luật.

Về lệ phí chi phí thẩm định, định giá tài sản trong vụ án là 10.000.000đ, ông H xin chịu cả, nên cần chấp nhận. Xác nhận ông H đã nộp đủ số tiền này.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 609, 612, 613, 614, 623, 631, 633, 650, 651, 660 - Bộ luật dân sự. Điều 97, Điều 98, Điều 167 - Luật đất đai; Điều 235, 147, 157, 165, 271, 273- Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 02/2004/NQ- HĐTP ngày 10/8/2004 và Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

1. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị N là ngày 23/4/2003.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ N để lại là:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Quế Võ cấp cho cụ N ngày 24/11/2000 là thửa đất ở số 01, sổ tờ bản đồ “ Trong làng”, diện tích 261,2m², địa chỉ thửa đất: thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Theo tờ bản đồ số 15 H1 nay có giá trị pháp lý đã được phê duyệt là thửa đất số 93, diện tích 246 m², các đương sự cũng nhất trí diện tích này. Nên xác định di sản của cụ N để lại là thửa đất ở số 93, diện tích đất ở 246 m².

Xác định giá trị di sản của cụ N để lại là diện tích đất ở 246 m² x 8.000.000đ/m² = 1.968.000.000đ.

Xác định giá trị kỷ phần mỗi thừa kế của cụ N được hưởng là 1.968.000.000đ/6 = 328.000.000đ.

3. Xác định người được hưởng di sản của cụ N bao gồm 06 người ở hàng thừa kế thứ nhất là: Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn H5, ông Nguyễn Văn Hợi, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H3.

4. Chia cho ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng thửa đất: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Quế Võ cấp cho cụ N ngày 24/11/2000 là thửa đất ở số 01, sổ tờ bản đồ “ Trong làng”, diện tích 261,2m², địa chỉ thửa đất: thôn Trạc Nhiệt, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Theo tờ bản đồ số 15 H1 nay là thửa đất số 93, diện tích 246 m². Tạm giao cho ông H quản lý sử dụng phần diện

tích đất ở 15,6 m² phần chừa sang hồ sơ thửa đất hộ ông Nguyễn Thế P (Có Trích đo bản đồ địa chính H1 trạng thửa đất số 93, tờ bản đồ số 15 kèm theo).

Ông H phải trích chia giá trị 1/6 di sản cho ông Nguyễn Văn Hợi, cụ thể là 328.000.000đ. Giao cho ông H quản lý số tiền này của ông Hợi. Khi nào ông Hợi về và có yêu cầu thì ông H phải có trách nhiệm trả lại ông Hợi số tiền này.

Ông H có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được chia, được tạm giao.

Về án phí DSST, chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Miễn án phí cho ông H. Công nhận sự tự nguyện của ông H về việc ông H phải chịu án phí thay cho các đồng thừa kế khác số tiền là 82.000.000đ.

Về số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản: Ông H tự nguyện chịu cả 10.000.000đ, xác nhận ông H đã nộp đủ số tiền này.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo lãi suất qui định tại Điều 468, Bộ luật dân sự, tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực H1 theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án, hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- Chi cục THADS huyện Quế Võ.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Sơn

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thùy Phương

Nguyễn Thị Phú

Hoàng Ngọc Sơn